

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG-THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 234/2024/HS-ST
Ngày: 05/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG – THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoàng Liên và ông Lê Huỳnh Sinh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Mạnh Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Đ - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – T, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 203/2024/TLST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2024/QĐXXST-HS ngày 14/11/2024 đối với bị cáo:

Cần Văn T (tên gọi khác: H), sinh năm 1982 tại Ninh Thuận; Nơi cư trú: Khu phố B, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cần Văn H1 (đã chết) và bà Hà Thị Mỹ D; Vợ: Nguyễn Thị Thúy V và 03 con. Tiền sự: Không.

Tiền án:

Ngày 26/01/2007, bị Tòa án nhân dân thị xã Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 03 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Ngày 28/3/2007, bị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, tổng hợp hình phạt 03 năm tù tại Bản án số 04 ngày 26/01/2007, buộc phải chấp hành 07 năm 06 tháng tù;

Ngày 30/7/2007, bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường bộ*”, tổng hợp hình phạt 07 năm 06 tháng tù tại Bản án số 07 ngày 28/3/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, buộc Cần Văn T phải

chấp hành hình phạt chung là 09 năm tù, đến ngày 11/01/2014 Cấn Văn T chấp hành xong hình phạt tù;

Ngày 16/5/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 09 tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”, đến ngày 30/5/2017 thì chấp hành xong hình phạt tù;

Ngày 17/9/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, phạt 02 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, đến ngày 22/3/2023 thì chấp hành xong hình phạt tù.

Nhân thân:

Ngày 18/9/1998, bị Công an phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Gây rối đánh nhau*”, với số tiền 50.000 đồng;

Ngày 08/5/1999, bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Đánh nhau*”, với số tiền 100.000 đồng;

Ngày 14/01/2000, bị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xử phạt 15 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản của công dân*”;

Ngày 14/8/2001, bị Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Ngày 27/3/2003, bị Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 42 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, đến ngày 16/02/2006 thì chấp hành xong hình phạt tù;

Ngày 16/3/2016, bị Công an thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Đánh bạc trái phép bằng hình thức xóc đĩa*”, với số tiền 2.000.000 đồng.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/01/2024, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

- **Bị hại:** Bà Nguyễn Thị Thu Đ1, sinh năm: 1989.

Nơi cư trú: Khu phố H, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thúy V, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Khu phố B, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

- Những người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Mạnh H2, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Khu phố E, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (có đơn xin vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Tấn S, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Khu phố F, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 19/01/2024, Công an thành phố P - T nhận được đơn trình báo của bà Nguyễn Thị Thu Đ1 (Sinh năm: 1989, trú tại: Khu phố H, phường P, TP . - T) về việc ngày 18/01/2024, bà Đ1 bị Công an thành phố P - T mời làm việc về hành vi đánh bạc, với hình thức ghi lô đề, bà Đ1 được cho bảo lãnh về nhà. Đến khoảng 12 giờ ngày 19/01/2024, bà Đ1 được giới thiệu Cấn Văn T có thể lo chạy án cho bà Đ1, tiền chạy án 80.000.000 đồng và hẹn bà Đ1 đến quán cà phê N ở đường B, thuộc khu phố F, phường P, TP . - T nhận tiền. Bà Đ1 đã đem theo số tiền 60.000.000 đồng đến quán cà phê N gặp T. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, phát hiện bà Đ1 đưa cho T một xấp tiền, T đã kiểm đếm, mang ra bỏ vào cốp xe mô tô, hiệu Honda Air Blade, màu trắng, biển số: 85B1-320.32 thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, tạm giữ số tiền 60.000.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 13 giờ ngày 19/01/2024, Cấn Văn T đang ở nhà thì ông Nguyễn Tân S (Sinh năm: 1985, trú tại: Khu phố F, phường Đ TP . - T) gọi điện thoại cho T nói “*Con Đào hôm qua mới bị Công an bắt số đề mà thả về rồi, tiền xác 11 triệu mà tính tiền thắng nữa thì gần 18 triệu, ông có lo được cho nó không*”. Nghe ông S nói vậy, T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị Thu Đ1 nên T kêu ông S đưa số điện thoại của T cho bà Đ1 để bà Đ1 liên hệ với T, bà Đ1 đã hẹn T đến quán cà phê N nói chuyện thì T đồng ý. Bà Đào Đ2 cùng ông S đến quán cà phê N gặp T, tại đây bà Đ1 kể cho T nghe toàn bộ sự việc bà Đ1 bị bắt về hành vi đánh bạc và số tiền đánh bạc mà bà Đ1 đã khai báo tại Cơ quan Công an, đồng thời bà Đ1 hỏi T có lo được cho bà Đ1 để không bị xử lý hình sự hay không. Nghe vậy, tuy T không quen biết với ai trong ngành Công an nhưng T vẫn hứa hẹn với bà Đ1 sẽ giúp cho bà Đ1. Nhằm mục đích để cho bà Đ1 tin tưởng nên T nói với bà Đ1 để hỏi ông anh trong ngành Công an, hẹn đến chiều sẽ trả lời cho bà Đ1. Bà Đ1 tiếp tục hỏi T là khoảng bao nhiêu tiền thì lo được, T trả lời khoảng 50.000.000 đồng, sau đó tất cả đi về. Khi về nhà, T gọi điện thoại cho bà Đ1 nói dối bà Đ1 đã liên hệ được với người giúp cho bà Đ1 và đã được đồng ý. Trong quá trình thu thập thông tin T biết được bà Đ1 và những người bị bắt về hành vi đánh bạc đã bị tạm giữ điện thoại nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt thêm tiền của bà Đ1. Ngoài số tiền T yêu cầu bà Đ1 chuẩn bị thì T còn kêu bà Đ1 chuẩn bị số tiền 20.000.000 đồng để lo cho người đi giám định điện thoại nếu không sẽ bị phục hồi dữ liệu điện thoại thì tội của bà Đ1 và những người tham gia đánh bạc sẽ nặng hơn và số tiền 10.000.000 đồng là tiền công cho T thì bà Đ1 đồng ý. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, T tiếp tục gọi điện thoại cho bà Đ1 kêu mua 01 lạng tổ yến, chuẩn bị số tiền 80.000.000 đồng, hẹn gặp bà Đ1 tại quán cà phê N.

Tại đây, bà Đ1 đưa cho T 01 hộp tổ yến, T cầm hộp tổ yến đem ra treo trên xe mô tô rồi điều khiển xe mô tô chạy về nhà. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày. T tiếp tục gọi điện thoại cho bà Đ1 đem tiền đến quán cà phê N. Tại đây T nói với bà Đ1 đã lo xong việc cho bà Đ1, yêu cầu bà Đ1 đưa tiền cho T để đi đưa cho người ta. Lúc này, bà Đ1 nói với T chỉ lo được số tiền 60.000.000 đồng thì T đồng ý nhận, T cầm tiền đếm đủ 60.000.000 đồng. T lấy số tiền 60.000.000 đồng đem ra bỏ vào bên trong cốp xe mô tô, hiệu Honda Air Blade, màu trắng, biển số: 85B1-320.32 thì bị lượng Công an bắt quả tang.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Cán Văn T không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo cho rằng bà Nguyễn Thị Thu Đ1 đã ép buộc bị cáo nhận tiền.

Bản Cáo trạng số 197/CT-VKSPRTC ngày 16/9/2024 của Viện kiểm sát TP . - T, truy tố bị cáo Cán Văn T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c, d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân TP . - T giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Cán Văn T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng: Điểm c, d khoản 2 Điều 174; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Cán Văn T từ 30 tháng đến 36 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Bị cáo không tranh luận, lời nói sau cùng: Bị cáo tha thiết xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình và xã hội, lo cho mẹ già và 03 con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an T – T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân TP. Phan Rang – T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Cán Văn T không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Cán Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với các đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa bị cáo và bị hại, đoạn video ghi lại hình ảnh bị hại giao tiền cho bị cáo, biên bản phạm tội quả tang và các tài liệu,

chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Mặc dù, không có khả năng giúp cho bà Nguyễn Thị Thu Đ1 không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi đánh bạc nhưng bị cáo Cấn Văn T vẫn đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Thu Đ1 số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) thì bị Công an bắt quả tang. Bị cáo Cấn Văn T đã tái phạm chưa được xóa án tích nay lại phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*”, bị cáo chiếm đoạt tài sản có trị giá từ trên 50.000.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân TP. Phan Rang – T truy tố bị cáo Cấn Văn T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c, d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng do mục đích tư lợi, muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động nên vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo là người có nhân thân xấu; Về tình tiết tăng nặng: không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên toà sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo; Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, nhân thân xấu nên cần thiết phải có hình phạt nghiêm minh, tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 60.000.000 đồng và 01 hộp yến sào, loại hộp tròn của bà Nguyễn Thị Thu Đ1, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Đ1. Bà Đ1 đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì về dân sự.

- 01 xe mô tô, hiệu Honda Air Blade, màu trắng, biển số: 85B1-320.32, thuộc quyền sở hữu của bà Hà Thị Mỹ D, bà D không biết việc T sử dụng xe của mình để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho bà D là có căn cứ.

- 01 điện thoại di động, hiệu Realme, màu vàng xám, gắn sim số 0786345066 của bà Nguyễn Thị Thúy V là vợ của bị cáo Cấn Văn T, không liên quan đến hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử trả lại điện thoại trên cho bà V là phù hợp.

- 01 điện thoại, hiệu Nokia, màu đen, gắn sim số 0766617778 của Cán Văn T sử dụng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử xét cần tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước là có căn cứ.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Cán Văn T (H) phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

Căn cứ: Điểm c, d khoản 2 Điều 174; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Cán Văn T 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/01/2024.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại hiệu Nokia, màu đen, gắn sim số 0766617778 của bị cáo Cán Văn T.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thúy V 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme, màu vàng xám có gắn sim số 0786345006.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng lúc 16 giờ 00 phút ngày 09/10/2024, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P – T và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Rang – T).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Điều 23, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Cán Văn T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 05/12/2024.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Ninh Thuận; **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKSND TP. PR-TC;
- Công an TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- Bị cáo; Người bị hại;

- Lưu án văn, hồ sơ./.

Nguyễn Xuân Hùng

